

b) Vi phạm các cam kết trong hợp đồng về bảo quản, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tự ý chuyển nhượng hoặc cho thuê lại máy móc, thiết bị;

c) Không có khả năng thanh toán, phá sản, giải thể;

d) Không có người bảo lãnh khác thay thế trong trường hợp bên thuê có người bảo lãnh mà người bảo lãnh mất khả năng thanh toán, phá sản hoặc giải thể.

2. Bên thuê có thể chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Máy móc, thiết bị cho thuê không được giao đúng thời gian quy định trong hợp đồng;

b) Bên cho thuê vi phạm các cam kết hợp đồng về chất lượng máy móc, thiết bị, đặc tính kỹ thuật, công suất theo thiết kế kỹ thuật, bảo hành, chạy thử, nghiệm thu.

Điều 9. Xử lý việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

1. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 8, bên thuê phải thanh toán ngay tiền thuê (tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng) và tái xuất trả lại máy móc, thiết bị cho bên cho thuê. Quyền sở hữu của bên cho thuê đối với máy móc, thiết bị không bị ảnh hưởng khi bên thuê bị phá sản, giải thể hay mất khả năng thanh toán. Máy móc, thiết bị thuê không được coi là tài sản của bên thuê khi tiến hành các thủ tục phá sản hay giải thể.

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường mọi thiệt hại gây ra cho bên kia.

Điều 10. Thủ tục nhập khẩu và tái xuất máy móc, thiết bị thuê.

Căn cứ quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan đến thuê máy móc, thiết

bị của nước ngoài, bên thuê máy móc, thiết bị làm thủ tục nhập khẩu, tái xuất máy móc, thiết bị tại cơ quan hải quan cửa khẩu.

Điều 11. Thanh lý hợp đồng.

Bên thuê và bên cho thuê máy móc, thiết bị phải tiến hành thanh lý hợp đồng khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc hợp đồng thuê chấm dứt trước thời hạn.

Máy móc, thiết bị thuê có thể được tái xuất trả cho bên cho thuê, chuyển sang thực hiện hợp đồng thuê khác, nhượng bán hoặc tiêu hủy.

Việc tái xuất máy móc, thiết bị thuê, việc chuyển máy móc, thiết bị thuê sang thực hiện hợp đồng thuê khác hoặc tiêu hủy tại Việt Nam do cơ quan hải quan giải quyết.

Việc nhượng bán máy móc, thiết bị thuê tại Việt Nam do Bộ Thương mại giải quyết theo các quy định của pháp luật hiện hành về nhập khẩu máy móc, thiết bị./.

THÔNG TƯ số 34/1999/TT-BTM ngày 15/12/1999 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Căn cứ Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (dưới đây gọi là Quy chế), Bộ Thương mại hướng dẫn một số điểm cụ thể để thi hành thống nhất như sau:

I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh:

Mọi hàng hóa đang lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đều phải có nhãn hàng hóa và thực hiện việc ghi nhãn theo Quy chế, trừ hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa gia công cho nước ngoài, và các loại hàng hóa ghi tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế.

2. Phân biệt giữa Nhãn hàng hóa và Nhãn hiệu hàng hóa:

a) Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy chế, Nhãn hàng hóa là bản viết, bản in, hình vẽ, hình ảnh, dấu hiệu được in chìm, in nổi trực tiếp hoặc được dán, đính, cài chắc chắn trên hàng hóa hoặc bao bì để thể hiện các thông tin cần thiết, chủ yếu về hàng hóa đó.

b) Theo quy định tại Điều 785 Bộ Luật Dân sự, Nhãn hiệu hàng hóa là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ cùng loại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác nhau. Nhãn hiệu hàng hóa có thể là từ ngữ, hình ảnh hoặc sự kết hợp các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

Dấu hiệu nói trên được thương nhân chọn làm biểu tượng để đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp sản phẩm của mình theo quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp (tại Điều 6 Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ).

3. Ngôn ngữ trình bày nhãn hàng hóa:

a) Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 5 Quy chế, đối với hàng hóa nhập khẩu để lưu thông, tiêu thụ tại thị trường Việt Nam, khi ký kết hợp đồng nhập khẩu, thương nhân cần yêu cầu để phía cung cấp hàng chấp nhận ghi thêm trên phần nhãn nguyên gốc bằng tiếng nước ngoài các thông tin

thuộc nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng Việt Nam dễ dàng lựa chọn và sử dụng hàng hóa.

b) Nhãn phụ quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 5 được hiểu không phải là nhãn gốc bằng tiếng nước ngoài mà là nhãn ghi bằng tiếng Việt Nam với 8 nội dung bắt buộc được dán, đính hoặc kèm theo hàng hóa cung cấp cho người mua trước hoặc sau khi đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

+ Nhãn phụ được sử dụng trong trường hợp thương nhân nhập khẩu không thỏa thuận được với phía nước ngoài cung cấp hàng ghi trên phần nhãn nguyên gốc các thông tin thuộc nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt Nam.

+ Nhãn phụ không làm che lấp phần nhãn nguyên gốc bằng tiếng nước ngoài; các hàng hóa có tính chất sử dụng phức tạp và đòi hỏi tính an toàn, có kèm theo tài liệu thuyết minh hướng dẫn sử dụng bằng tiếng nước ngoài đều phải có bản dịch ra tiếng Việt Nam và kèm theo bản gốc tiếng nước ngoài để cung cấp cho người mua.

+ Nhãn phụ còn phải được dán, đính hoặc kèm theo hàng hóa tại nơi bán hàng đối với hàng hóa không có bao bì.

+ Tên của thành phần cấu tạo hàng hóa là chất hóa học trên nhãn phụ phải ghi bằng tiếng Việt Nam hoặc ghi bằng tên La tinh hoặc bằng công thức hóa học.

II. GHI NỘI DUNG CỦA NHÃN HÀNG HÓA

A. NỘI DUNG BẮT BUỘC

1. Tên hàng hóa:

- Tên hàng hóa được chọn lựa để ghi nhãn hàng hóa quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 đều căn cứ vào công dụng chính và tính chất đặc trưng tự nhiên của chúng để đặt tên hoặc mô tả. Việc đặt tên hàng hóa theo Khoản 4 Điều 6 Quy chế cần tránh nhầm lẫn tên hàng hóa với tên hiệu của nhà sản xuất hoặc tên chủng loại của hàng hóa. Ví dụ: Bột giặt (là tên hàng hóa) VISO, OMO... (là tên hiệu của nhà sản xuất); Thuốc cảm (là tên hàng hóa) Asperine, Decolgen... (là tên chủng loại hàng hóa)...

- Việc chọn tên hàng hóa trong hệ thống mã số phân loại HS để ghi lên Nhãn hàng hóa quy định tại Khoản 3 Điều 6 được hiểu là chỉ ghi tên hàng hóa mà không phải ghi mã số HS phân loại hàng hóa lên nhãn hàng hóa.

2. Tên và địa chỉ của thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Theo quy định tại Điều 7 Quy chế, tên và địa chỉ thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa là tên và địa chỉ của thương nhân theo đăng ký hoạt động kinh doanh.

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế, việc ghi tên và địa chỉ của thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa do mình lắp ráp được hiểu là áp dụng cho cả việc đóng gói lại hàng hóa để bán. Tên và địa chỉ cơ sở đóng gói được ghi là: cơ sở đóng gói..... hoặc đóng gói lại.....

3. Định lượng hàng hóa:

- Việc ghi định lượng của hàng hóa lên Nhãn hàng hóa theo hệ đơn vị đo lường quốc tế SI (System International) tại Khoản 2 Điều 8 Quy chế được thực hiện theo một số đơn vị đo lường gồm: đơn vị đo, ký hiệu đơn vị đo, cách dùng đơn vị đo tại Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

Số thứ tự	Một số đơn vị đo lường, được dùng để ghi nhãn công bố định lượng hàng hóa	Ký hiệu đơn vị đo	Cách dùng đơn vị đo
1	Đơn vị đo khối lượng được dùng: - Kilôgam - Gam - Miligam	kg g mg	- Dưới 1 kg thì dùng đơn vị g (ví dụ: viết 500g mà không viết 0,5kg); dưới g thì dùng đơn vị mg (ví dụ viết 500 mg mà không viết 0,5g) - Từ 1 kg trở lên thì dùng đơn vị kg và phần số thập phân không quá 3 con số (ví dụ: viết 1,5kg mà không viết 1.500g)
2	Đơn vị đo thể tích được dùng: • Cho hàng hóa là chất lỏng - Lít - Mililít • Dùng cho hàng hóa dạng hình khối - Mét khối - Decimét khối - Centimét khối	L, l mL, ml m ³ dm ³ cm ³	- Dưới 1 lít thì dùng đơn vị ml (ví dụ: viết 500 ml mà không viết 0,5 lít) - Từ 1 lít trở lên dùng đơn vị lít và phần số thập phân không quá 3 con số (ví dụ: 1,75 lít mà không viết 1750 ml) - Dưới 1m ³ thì dùng dm ³ hoặc cm ³ - Từ 1 m ³ trở lên thì dùng đơn vị m ³ và phần số thập phân không quá 3 con số
3	Đơn vị đo diện tích được dùng - Mét vuông - Decimét vuông - Centimét vuông - Milimét vuông	m ² dm ² cm ² mm ²	- Dưới 1m ² thì dùng đơn vị dm ² và phần thập phân của dm ² hoặc cm ² và phần thập phân của cm ² hoặc mm ² - Từ 1m ² trở lên dùng đơn vị m ² và phần số thập phân không quá 3 con số
4	Đơn vị đo độ dài được dùng: - Mét - Centimét - Milimét	m cm mm	- Dưới 1m thì dùng đơn vị cm hoặc mm - Từ 1 m trở lên dùng đơn vị m và phần thập phân không quá 3 con số

- Trường hợp hàng hóa sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu, có thể dùng đơn vị đo lường khác theo hợp đồng thỏa thuận với nước nhập khẩu.

- Theo Khoản 1 Điều 8 Quy chế, việc ghi định lượng của hàng hóa trên nhãn hàng hóa tùy thuộc tính chất của hàng hóa chứa đựng trong bao bì và tình trạng bao bì đóng gói, cụ thể:

+ Ghi định lượng “Khối lượng tịnh” áp dụng cho các trường hợp:

- Hàng hóa chứa trong bao bì ở dạng chất rắn, dạng nhão, keo sệt, dạng hỗn hợp chất rắn với chất lỏng; dạng hàng hóa là thể khí nén (khí ôxy, Amoniác, Carbonic, gaz đốt...) chứa đựng trong bao bì chịu áp lực. Đơn vị đo khối lượng tịnh được dùng là mg, g, kg.

- Trường hợp hàng hóa có dạng hỗn hợp chất rắn và chất lỏng, phải ghi khối lượng chất rắn và tổng khối lượng hỗn hợp gồm cả chất rắn và chất lỏng.

- Trường hợp hàng hóa có dạng keo sệt chứa trong bao bì là bình phun có thêm chất tạo áp lực phun thì phải ghi tổng khối lượng của hàng hóa gồm khối lượng chất keo và chất tạo áp lực phun.

- Trường hợp hàng hóa có dạng thể khí nén chứa trong bao bì bình chịu áp lực thì định lượng ghi trên nhãn hàng hóa gồm khối lượng của chất khí nén và ghi cả tổng khối lượng chất khí và bao bì chứa đựng.

+ Ghi định lượng “Thể tích thực” áp dụng cho các trường hợp:

- Hàng hóa có dạng thể lỏng trong các bao bì hình khối đa dạng. Đơn vị đo thể tích được dùng

là ml, l ở nhiệt độ 20°C hoặc nhiệt độ xác định tùy thuộc tính chất riêng của hàng hóa.

- Trường hợp chất lỏng chứa trong bao bì bình phun có thêm chất tạo áp lực phun thì định lượng thể tích thực của hàng hóa được ghi trên nhãn hàng hóa gồm tổng thể tích chất lỏng và chất tạo áp lực phun.

- Nếu hàng hóa có dạng hình khối (khối lập phương, khối chữ nhật) định lượng hàng hóa thể hiện bằng tích của 3 kích thước (chiều dài X chiều rộng X chiều cao) đơn vị đo thể tích được dùng là cm^3 , dm^3 , m^3 .

+ Ghi định lượng “Kích thước thực” áp dụng cho các trường hợp:

- Hàng hóa có dạng lá, tấm xếp cuộn thì định lượng ghi trên nhãn hàng hóa được thể hiện bằng độ dài tấm, lá; hoặc thể hiện bằng độ dài của hai kích thước (chiều dài X chiều rộng) của tấm, lá và dùng đơn vị đo kích thước là cm, m; nếu thể hiện bằng diện tích thì tính bằng tích của hai kích thước (chiều dài X chiều rộng) và dùng đơn vị đo là cm^2 , dm^2 , m^2 .

- Hàng hóa có dạng hình sợi tròn xếp cuộn, định lượng ghi trên nhãn hàng hóa được thể hiện bằng độ dài và đường kính sợi. Đơn vị đo được dùng là mm, m.

+ Hàng hóa trong một bao gói có nhiều đơn vị có cùng tên, cùng định lượng chứa trong bao bì ấy được ghi trên nhãn hàng hóa bằng tích giữa số đơn vị (số đếm) với khối lượng một đơn vị hàng (ví dụ: 20 cái X 10 g/1cái); hoặc ghi số đơn vị hàng (số đếm) và tổng khối lượng hàng có trong bao bì (ví dụ: 20 cái - 200 g).

- Tại Khoản 3 Điều 8 Quy chế, kích cỡ chữ và số trình bày định lượng hàng hóa được thiết kế theo diện tích phần chính của nhãn (PDP) theo Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2

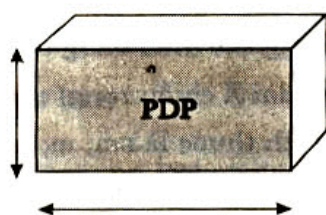
Diện tích phần chính của nhãn (PDP) (tính bằng cm ²)	Chiều cao nhỏ nhất của chữ và số (tính bằng mm)
≤ 32	1,6
> 32 đến ≤ 258	2,3
> 258 đến ≤ 645	6,4
> 645 đến ≤ 2580	9,5
> 2580	12,7

Ghi chú: dấu ≤ là nhỏ hơn hoặc bằng;

dấu > là lớn hơn

- Tại Khoản 3 Điều 8 Quy chế, cách tính diện tích phần chính của nhãn (PDP) ở một số hình dạng bao bì theo nguyên tắc tương đối, được minh họa bằng các ví dụ sau:

+ Hình hộp

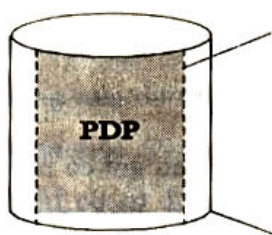


Chiều cao 10 cm

Chiều rộng 20 cm

Diện tích PDP = 10 x 20 = 200 cm²

+ Hình trụ tròn



≈ 40% tổng diện tích
= 50 cm²

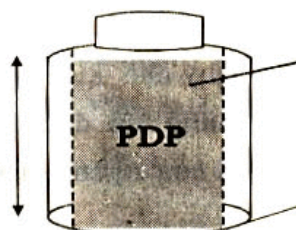
Chu vi

Chiều cao 5 cm

Chu vi đáy 25 cm

Diện tích PDP = 125 cm² x 40% = 50 cm²

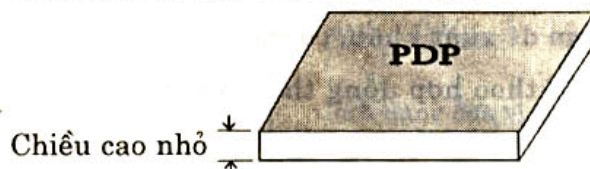
+ Dạng gấn hình trụ tròn



≈ 40% tổng diện tích

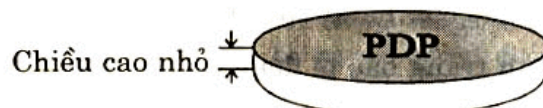
Chu vi

+ Dạng hình hộp chiều cao nhỏ



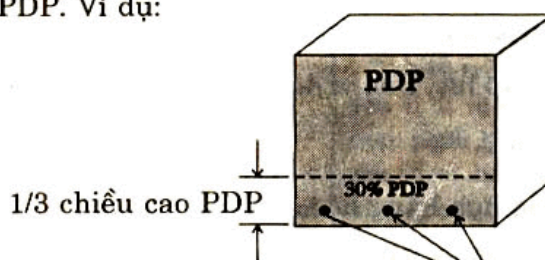
PDP là bề mặt bao bì

+ Dạng hình trụ tròn chiều cao nhỏ



PDP là bề mặt bao bì

- Tại Khoản 4 Điều 8 Quy chế, được hiểu vị trí ghi định lượng nằm ở phía dưới của phần chính của nhãn (PDP) với diện tích chiếm 30% diện tích của PDP và chiều cao khoảng 1/3 chiều cao của PDP. Ví dụ:



Các vị trí có thể ghi định lượng

4. Thành phần cấu tạo:

- Các thành phần cấu tạo được ghi trên Nhãn hàng hóa theo quy định tại Điều 9 của Quy chế là các thành phần được sử dụng trong công nghệ sản xuất ra hàng hóa và hình thành giá trị sử dụng của chúng.

- Đối với nhóm loại hàng hóa đòi hỏi độ an toàn cao trong sử dụng như thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm, dược phẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy chế phải ghi đầy đủ tất cả các thành phần chế tạo hàng hóa lên Nhãn hàng hóa.

- Tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế được hiểu chỉ áp dụng cho các loại hàng hóa vật tư, thiết bị, máy móc, vật dụng ngoài các nhóm, loại hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều 9. Trong đó chỉ ghi thành phần cấu tạo đối với hàng hóa là vật tư, thiết bị, máy móc, vật dụng thấy cần thiết và chỉ cần ghi

thành phần cấu tạo chính quyết định tới giá trị sử dụng của hàng hóa đó. Ví dụ: Thành phần cấu tạo của vải dệt thoi gồm tỷ lệ % sợi pha giữa xơ thiên nhiên và xơ hóa học; thành phần cấu tạo của sơn phủ Alkyd các màu gồm tỷ lệ % bột màu, bột độn, nhựa tổng hợp Alkyd, dung môi hòa tan, chất làm khô; thành phần chi tiết, phụ tùng trong cấu tạo của thiết bị, máy móc.

5. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Việc lựa chọn các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm để ghi nhãn hàng hóa phụ thuộc vào bản chất, thuộc tính tự nhiên và mối quan hệ trực tiếp giữa chỉ tiêu chất lượng với công dụng chính và độ an toàn cần thiết của sản phẩm.

- Trường hợp phải phân định cấp, loại chất lượng, phạm vi ứng dụng của hàng hóa, thương nhân phải ghi lên nhãn hàng hóa cả thông số kỹ thuật, định lượng của các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

- Trường hợp cần đảm bảo độ chính xác cao của chỉ tiêu chất lượng chủ yếu, việc ghi nhãn hàng hóa về chỉ tiêu chất lượng chủ yếu được ghi kèm số hiệu tiêu chuẩn của phương pháp thử.

- Ngoài chỉ tiêu chất lượng chủ yếu bắt buộc phải ghi lên nhãn hàng hóa theo quy định, thương nhân có thể ghi thêm các chỉ tiêu chất lượng khác lên nhãn hàng hóa nếu thấy cần thiết.

6. Ngày sản xuất, thời hạn sử dụng, thời hạn bảo quản:

- Việc ghi ngày sản xuất, thời hạn sử dụng, thời hạn bảo quản được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 11 Quy chế.

- Cách ghi ngày sản xuất, thời hạn sử dụng, thời hạn bảo quản tại Khoản 3 Điều 11 Quy chế cần chú ý:

• Trước các số chỉ ngày, tháng, năm phải có dòng chữ:

+ “Ngày sản xuất” hoặc viết tắt là “NSX”. Ví dụ: NSX 021099 (sản xuất ngày 2 tháng 10 năm 1999).

+ “Hạn sử dụng” hoặc viết tắt là “HSD”. Ví dụ: HSD 310700 (hạn sử dụng đến ngày 31 tháng 7 năm 2000).

+ “Hạn bảo quản” hoặc viết tắt là “HBQ”. Ví dụ: HBQ 251201 (hạn bảo quản đến ngày 25 tháng 12 năm 2001)

+ Giữa số chỉ ngày, tháng, năm có thể ghi liền nhau hoặc có dấu chấm hoặc có dấu gạch chéo để phân định rõ ngày, tháng, năm.

• Trường hợp do thiết bị và công nghệ sản xuất chưa khắc phục được thì chấp nhận việc ghi ngày sản xuất, thời hạn sử dụng hoặc thời hạn bảo quản dưới đây bao bì.

7. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Khoản 1 Điều 12 Quy chế:

+ Các loại hàng hóa có tính chất sử dụng đơn giản, phổ thông không phải hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn bảo quản.

+ Bản thuyết minh kèm theo hàng hóa chỉ áp dụng cho các hàng hóa vật dụng như vật tư, máy móc thiết bị có tính chất sử dụng phức tạp, đòi hỏi độ chính xác cao hoặc áp dụng cho các hàng hóa đòi hỏi độ an toàn và hiệu quả sử dụng cao như thuốc, vật tư y tế phòng và chữa bệnh cho người, cho vật nuôi, cây trồng; vật tư hóa chất sử dụng cho công nghiệp,...

- Khoản 2 Điều 12 Quy chế, trường hợp nhãn hàng hóa không đủ diện tích để ghi các nội dung hướng dẫn về sử dụng và bảo quản thì nội dung này được hướng dẫn thuyết minh vào một tài liệu kèm theo hàng hóa để cung cấp cho người mua.

8. Xuất xứ của hàng hóa:

Trên nhãn hàng hóa xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu đều phải ghi tên nước xuất xứ của hàng hóa.

B. NỘI DUNG KHÔNG BẮT BUỘC

1. Các nội dung không bắt buộc có thể ghi lên nhãn hàng hóa được quy định tại Điều 14 Quy chế.

2. Thương nhân có thể ghi trên nhãn hàng hóa các nội dung (nếu có) như: mã số, mã vạch do tổ chức mã số, mã vạch quốc gia cấp; nhãn hiệu hàng hóa đã được bảo hộ sở hữu công nghiệp; các loại huy chương đã được khen thưởng; các chứng nhận sản phẩm hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế; số hiệu lô hàng được sản xuất; các dấu hiệu quốc tế được dùng cho vận chuyển, sử dụng, bảo quản;...

III. HÀNH VI VI PHẠM

Khoản 8 Điều 17 Quy chế, được hiểu là: "Sử dụng nhãn hiệu hàng hóa đã được pháp luật bảo hộ mà không được sự chấp thuận của chủ sở hữu".

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2000.

Các loại hàng hóa có cách ghi nhãn trái với Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg và Thông tư này sau thời điểm nói trên là vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động thương mại.

Đối với các loại hàng hóa đã ghi nhãn trước ngày Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg và Thông tư này có hiệu lực mà vẫn còn hạn sử dụng thì được tiếp tục lưu thông cho đến lúc hết hạn sử dụng.

2. Việc hướng dẫn chi tiết cách ghi nhãn của một số nhóm hàng hóa đặc thù, riêng biệt thuộc chức năng của các Bộ quản lý ngành xuất phát từ các yêu cầu cụ thể trong sử dụng và bảo quản.

Nội dung hướng dẫn cần chú ý:

a) Các nhóm, loại hàng đòi hỏi độ an toàn và hiệu quả sử dụng cao, tính chất sử dụng phức tạp, yêu cầu sử dụng phải có chỉ định. Cụ thể:

- Bộ Y tế hướng dẫn cách ghi nhãn đối với thuốc và vật tư phòng chữa bệnh cho người, thực phẩm, mỹ phẩm,... liên quan đến an toàn, sức khỏe và cách sử dụng.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản hướng dẫn cách ghi nhãn đối với thuốc và vật tư thiết bị dùng cho sản xuất, phòng chữa bệnh cho vật nuôi, cây trồng.

- Các Bộ Công nghiệp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Bưu chính viễn thông, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Văn hóa - Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo,... hướng dẫn cách ghi nhãn đối với hóa chất, vật tư, máy móc, thiết bị do ngành mình quản lý.

b) Các nội dung liên quan đến hướng dẫn chi tiết ghi nhãn đối với hàng hóa đặc thù, riêng biệt của các Bộ quản lý ngành gồm: thành phần cấu tạo, chỉ tiêu chất lượng chủ yếu, hướng dẫn sử dụng, bảo quản./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

LƯƠNG VĂN TỰ